
Phần hai

GỢI Ý DẠY HỌC

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 và những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

– Rèn luyện năng lực tổng hợp, khái quát, hệ thống hoá các kiến thức đã học về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Đây là bài khái quát cả một thời kì văn học, nội dung kiến thức rất phong phú, GV cần phải chọn lọc, tránh sa vào chi tiết.

– Phải có quan điểm lịch sử, quan điểm toàn diện khi đánh giá văn học thời kì này.

2. Trọng tâm bài học

– Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975.

- Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.
- Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV hướng dẫn cho HS chuẩn bị : đọc kĩ SGK và trả lời các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*.

GV cho HS thảo luận một số câu hỏi, sau đó nhấn mạnh những điểm quan trọng.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

(1) *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975*

a) Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá

GV nhấn mạnh những điểm có ảnh hưởng tới văn học :

- Đường lối văn nghệ của Đảng Cộng sản, sự lãnh đạo của Đảng đã góp phần tạo nên một nền văn học thống nhất trên đất nước ta.

- Hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mĩ kéo dài suốt 30 năm đã tác động sâu sắc, mạnh mẽ tới đời sống vật chất và tinh thần của toàn dân tộc, trong đó có văn học nghệ thuật, tạo nên ở văn học giai đoạn này những đặc điểm và tính chất riêng của một nền văn học hình thành và phát triển trong hoàn cảnh chiến tranh lâu dài và vô cùng ác liệt.

- Nền kinh tế còn nghèo nàn và chậm phát triển. Về văn hoá, từ năm 1945 đến năm 1975, điều kiện giao lưu bị hạn chế, nước ta chủ yếu tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hoá các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc,...).

b) Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu

• Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954

- Một số tác phẩm trong những năm 1945 – 1946 đã phản ánh được không khí hồ hởi, vui sướng đặc biệt của nhân dân ta khi đất nước vừa giành được độc lập.

- Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Văn học gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến ; tập trung khám phá sức mạnh và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân ; thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

– Truyện ngắn và kí là những thể loại mở đầu cho văn xuôi chặng đường kháng chiến chống thực dân Pháp. Những tác phẩm tiêu biểu là : *Một lần tới Thủ đô* và *Trận phố Ràng* của Trần Đăng, *Đôi mắt* và nhật kí *Ở rừng* của Nam Cao, *Làng* của Kim Lân, *Thu nhà* của Hồ Phương,... Từ năm 1950, đã xuất hiện những tập truyện, kí khá dày dặn : *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Đất nước đứng lên* của Nguyễn Ngọc,...

– Thơ ca những năm kháng chiến chống thực dân Pháp đạt được nhiều thành tựu xuất sắc. Tiêu biểu là những tác phẩm : *Cảnh khuya*, *Cảnh rừng Việt Bắc*, *Rằm tháng giêng*, *Lên núi* của Hồ Chí Minh, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm, *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Đồng chí* của Chính Hữu, đặc biệt là tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu,...

– Một số vở kịch xuất hiện gây được sự chú ý lúc bấy giờ như *Bắc Sơn*, *Những người ở lại* của Nguyễn Huy Tưởng, *Chị Hoà* của Học Phi.

- Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964

– Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề, nhiều phạm vi của hiện thực đời sống. Một số tác phẩm khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp : *Sống mãi với Thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Cao điểm cuối cùng* của Hữu Mai, *Trước giờ nổ súng* của Lê Khâm. Một số tác phẩm khai thác đề tài hiện thực đời sống trước Cách mạng tháng Tám : *Tranh tối tranh sáng* của Nguyễn Công Hoan, *Mười năm* của Tô Hoài, *Vỡ bờ* (hai tập) của Nguyễn Đình Thi, *Cửa biển* (bốn tập) của Nguyễn Hồng. Viết về đề tài công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội : *Sông Đà* của Nguyễn Tuân, *Bốn năm sau* của Nguyễn Huy Tưởng, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải, *Cái sân gạch* của Đào Vũ,...

– Thơ ca phát triển mạnh mẽ. Các tập thơ xuất sắc ở chặng này gồm có : *Gió lộng* của Tố Hữu, *Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Riêng chung* của Xuân Diệu, *Đất nở hoa* của Huy Cận, *Tiếng sóng* của Tế Hanh,...

– Kịch nói ở giai đoạn này cũng phát triển. Tiêu biểu là các vở *Một đảng viên* của Học Phi, *Ngọn lửa* của Nguyễn Vũ, *Chị Nhàn* và *Nổi gió* của Đào Hồng Cẩm,...

- Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975

– Từ năm 1965 đến năm 1975, một cao trào sáng tác viết về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trong cả nước được phát động. Chủ đề bao trùm của văn học là đề cao tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

– Văn xuôi chặng đường này tập trung phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, đã khắc hoạ khá thành công hình ảnh con người Việt Nam anh dũng, kiên cường, bất khuất.

+ Từ tiền tuyến lớn, những tác phẩm truyện, kí viết trong máu lửa của chiến tranh đã phản ánh nhanh nhạy và kịp thời cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam anh dũng : *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, *Hòn Đất* của Anh Đức, *Mẫn và tôi* của Phan Tứ,...

+ Ở miền Bắc, truyện, kí cũng phát triển mạnh. Tiêu biểu là kí chống Mĩ của Nguyễn Tuân ; truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu,... Nhiều tác giả nổi lên nhờ những cuốn tiểu thuyết như Hữu Mai với *Vùng trời* (ba tập), Nguyễn Minh Châu với *Cửa sông* và *Dấu chân người lính*, Chu Văn với *Bão biển* (hai tập),...

– Thơ những năm chống Mĩ cứu nước đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, thực sự là một bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại. Thơ ca chặng đường này thể hiện rất rõ khuynh hướng mở rộng và đào sâu chất liệu hiện thực ; đồng thời tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận. Nhiều tập thơ có tiếng vang, tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như : *Ra trận, Máu và hoa* của Tố Hữu, *Hoa ngày thường – Chim báo bão* và *Những bài thơ đánh giặc* của Chế Lan Viên, *Đầu súng trăng treo* của Chính Hữu, *Vầng trăng quầng lửa* của Phạm Tiến Duật, *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, *Gió Lào cát trắng* của Xuân Quỳnh, *Hương cây – Bếp lửa* của Lưu Quang Vũ và Bằng Việt, *Cát trắng* của Nguyễn Duy, *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa,... Lịch sử thơ ca chặng đường này đặc biệt ghi nhận sự xuất hiện và những đóng góp của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ. Đó là Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Lưu Quang Vũ, Bằng Việt, Nguyễn Mĩ, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Duy, Hoàng Nhuận Cầm, Trần Đăng Khoa,...

– Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận. Các vở kịch gây được tiếng vang : *Quê hương Việt Nam* và *Thời tiết ngày mai* của Xuân Trình, *Đại đội trưởng của tôi* của Đào Hồng Cẩm, *Đôi mắt* của Vũ Dũng Minh,...

- Văn học vùng địch tạm chiếm

GV dựa vào SGK, hướng dẫn cho HS nắm được những nét chính về văn học vùng địch tạm chiếm từ năm 1946 đến năm 1975.

c) Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975

Dựa vào SGK, GV nhấn mạnh và làm rõ những đặc điểm cơ bản sau :

– Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước. Đây là một đặc điểm nói lên bản chất của văn học giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975.

– Nền văn học hướng về đại chúng.

– Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Đây là một đặc điểm thể hiện khuynh hướng thẩm mỹ của văn học Việt Nam những năm 1945 – 1975. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng của văn học giai đoạn này.

+ Khuynh hướng sử thi thể hiện ở những phương diện sau : đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân tộc. Nhân vật chính thường là những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của dân tộc, tiêu biểu là cho lí tưởng của cộng đồng hơn là lợi ích và khát vọng cá nhân. Con người chủ yếu được khám phá ở bốn phạm, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, ở lẽ sống lớn và tình cảm lớn. Lời văn sử thi cũng thường mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp một cách tráng lệ, hào hùng.

+ Cảm hứng lãng mạn là cảm hứng khẳng định cái tôi đầy tình cảm, cảm xúc và hướng tới lí tưởng. Cảm hứng lãng mạn trong văn học từ năm 1945 đến năm 1975 chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người Việt Nam có thể vượt lên mọi thử thách, trong máu lửa của chiến tranh đã hướng tới ngày chiến thắng, trong gian khổ cơ cực đã nghĩ tới ngày ấm no, hạnh phúc. Cho nên, họ ra trận đi vào nơi mưa bom bão đạn mà vui như trăng hội : “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước – Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu), “Những buổi vui sao, cả nước lên đường – Xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục” (Chính Hữu), “Đường ra trận mùa này đẹp lắm” (Phạm Tiến Duật),... Cảm hứng lãng mạn trở thành cảm hứng chủ đạo không chỉ trong thơ mà còn trong nhiều thể loại văn học khác như : tiểu thuyết, truyện ngắn, bút kí, kịch bản sân khấu,...

+ Khuynh hướng sử thi kết hợp với cảm hứng lãng mạn làm cho văn học giai đoạn này thấm nhuần tinh thần lạc quan, đồng thời đáp ứng được yêu cầu phản

ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng. Tất cả những yếu tố trên hoà hợp với nhau, tạo nên đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 về khuynh hướng thẩm mỹ.

(2) *Vài nét khái quát văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX*

a) Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá

– Với chiến thắng mùa xuân năm 1975, lịch sử dân tộc ta lại mở ra một thời kì mới – thời kì độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Tuy nhiên, từ năm 1975 đến năm 1985, đất nước ta lại gặp những khó khăn, thử thách mới.

– Từ năm 1986, với công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản đề xướng và lãnh đạo, kinh tế nước ta cũng từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá nước ta có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới. Văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông khác phát triển mạnh mẽ. Đất nước bước vào công cuộc đổi mới, thúc đẩy nền văn học cũng phải đổi mới phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.

b) Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu

– Từ sau năm 1975, thơ không tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như ở giai đoạn trước. Tuy nhiên, vẫn có những tác phẩm ít nhiều tạo được sự chú ý của người đọc.

Chế Lan Viên từ lâu vẫn âm thầm đổi mới thơ ca. Điều ấy được thể hiện qua các tập *Di cảo thơ*. Những cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ cứu nước vẫn tiếp tục sáng tác, sung sức hơn cả là Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Thanh Thảo, Nguyễn Đức Mậu,... Hiện tượng nở rộ trường ca sau năm 1975 là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này (*Những người đi tới biển* của Thanh Thảo, *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh, *Trường ca sư đoàn* của Nguyễn Đức Mậu,...). Một số tập thơ có giá trị, khi ra đời, ít nhiều tạo được sự chú ý như: *Tự hát* của Xuân Quỳnh, *Người đàn bà ngồi đan* của Ý Nhi, *Thư mùa đông* của Hữu Thỉnh, *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, *Xúc xắc mùa thu* của Hoàng Nhuận Cầm, *Nhà thơ và hoa cỏ* của Trần Nhuận Minh, *Gọi nhau qua vách núi* của Thi Hoàng,... Những cây bút thơ thuộc thế hệ sau năm 1975 xuất hiện rất nhiều, đang từng bước tự khẳng định mình. Tiêu biểu là Phùng Khắc Bắc với tập *Một chấm xanh*, Y Phương với tập *Tiếng hát tháng giêng*, Nguyễn Quang Thiều với tập *Sự mất ngủ của lửa*, Trần Anh Thái với trường ca *Đổ bóng xuống mặt trời*,...

– Từ sau năm 1975, văn xuôi có nhiều khởi sắc hơn thơ ca. Một số cây bút đã bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời

sống như Nguyễn Trọng Oánh với *Đất trắng* (1979), Thái Bá Lợi với *Hai người trở lại trung đoàn* (1979). Từ đầu những năm tám mươi, văn xuôi tạo được sự chú ý của người đọc với những tác phẩm như *Đứng trước biển* của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Cha và con, và...*, *Gặp gỡ cuối năm* của Nguyễn Khải, *Mùa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng, *Thời xa vắng* của Lê Lựu, những tập truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* và *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu,...

– Từ năm 1986, văn học chính thức bước vào chặng đường đổi mới. Văn học gần bó hơn, cập nhật hơn những vấn đề của đời sống hằng ngày. Phóng sự xuất hiện, đề cập tới những vấn đề bức xúc của đời sống. Văn xuôi thực sự khởi sắc với các tập truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* và *Cỏ lau* của Nguyễn Minh Châu, *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp ; tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Bến không chồng* của Dương Hương, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh ; bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường ; hồi kí *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* của Tô Hoài,...

– Từ sau năm 1975, kịch nói phát triển mạnh mẽ. Những vở kịch như : *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ, *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình, ... là những vở tạo được sự chú ý.

Như vậy, từ năm 1975 và nhất là từ năm 1986, văn học Việt Nam từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới. Văn học vận động theo hướng *dân chủ hoá*, mang tính *nhân bản* và *nhân văn* sâu sắc. Văn học phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề ; phong phú và mới mẻ hơn về thủ pháp nghệ thuật ; cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy. Văn học đã khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống, kể cả đời sống tâm linh. Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực và những tìm tòi đúng hướng cũng nảy sinh những khuynh hướng tiêu cực, những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh. Văn học có xu hướng nói nhiều tới mặt trái của xã hội, ít nhiều có khuynh hướng bạo lực.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV kiểm tra, đánh giá mức độ tiếp nhận bài của HS theo các câu hỏi sau :

– Các chặng đường phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 (thành tựu chủ yếu của các thể loại) ?

– Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 ?
Làm rõ các đặc điểm đó qua từng thể loại.

– Một số thành tựu ban đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX ?

2. Gợi ý giải bài tập

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đề cập tới mối quan hệ giữa văn nghệ và kháng chiến. Một mặt, văn nghệ phụng sự kháng chiến – đó là mục đích của nền văn nghệ mới trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Mặt khác, chính hiện thực cách mạng và kháng chiến đã đem đến cho văn nghệ một sức sống mới, tạo nên nguồn cảm hứng sáng tạo mới cho văn nghệ.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Mạnh, *Nền văn học mới từ sau Cách mạng tháng Tám*, trong *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập III, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2002.
2. Hà Minh Đức, *Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975*, trong *SGK Văn học 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2003.